

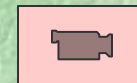
GIẢI PHẪU SINH LÝ

**ĐẠI CƯƠNG
CƠ THỂ NGƯỜI**

Trình bày: BS. CKI. Nguyễn Văn Thịnh

MỤC TIÊU HỌC TẬP

1. Trình bày đặc điểm cơ thể sống
2. Mô tả cấu trúc và chức năng tế bào
3. Trình bày phân loại mô
4. Nêu những quy ước chung về giải phẫu học



ĐẶC ĐIỂM CƠ THỂ SỐNG

CHỊU KÍCH THÍCH

CƠ THỂ SỐNG

CHUYỂN HÓA

SINH SẢN



TÍNH CHUYỂN HÓA

- Đồng hóa:
 - Tổng hợp các chất, tạo chất dinh dưỡng
 - Chất quan trọng nhất: Protein
- Dị hóa:
 - Phân giải các chất
 - Tạo ra năng lượng
- Hệ thống men (enzyme)



TÍNH CHỊU KÍCH THÍCH

- Khả năng đáp ứng với nội, ngoại môi
- Cường độ kích thích:
 - Vừa đủ: tạo quá trình hưng phấn
 - Quá mạnh: ức chế
 - Dưới ngưỡng: không có đáp ứng
 - Dưới ngưỡng lặp nhiều lần: cộng hưng phấn
- Một số tế bào tự động hưng phấn



TÍNH SINH SẢN

- Đặc tính để phát triển giống loài
- Con người sinh sản hữu tính
- Sự phối hợp giữa tinh trùng và trứng
- Di truyền:
 - Thông qua nhiễm sắc thể
 - Con mang đặc tính cả bố và mẹ
- Biến dị: sự thay đổi của di truyền



KÍCH THƯỚC TẾ BÀO

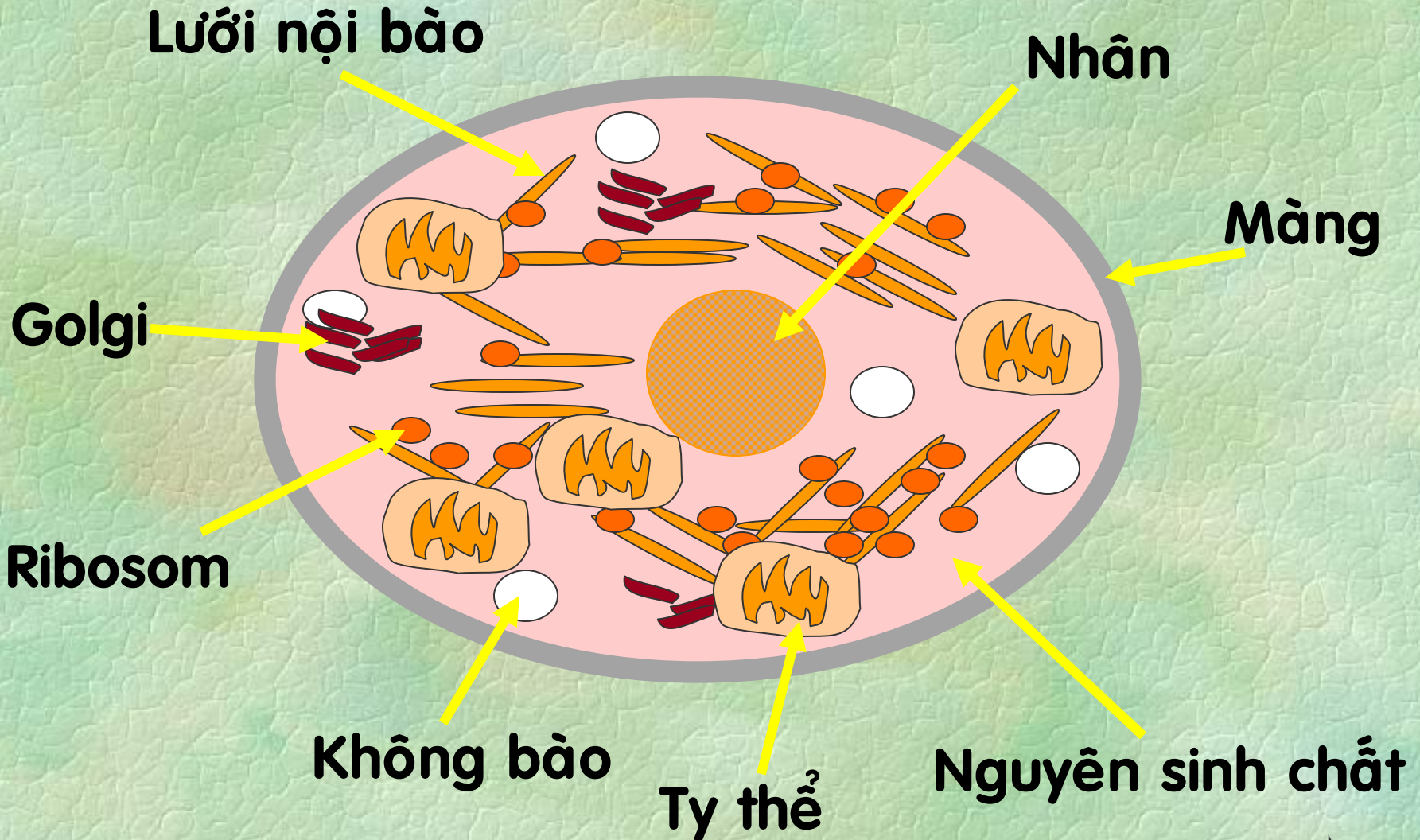
- Kích thước:
 - Nhỏ, thay đổi từ 5 – 200 μ m
 - Nhỏ nhất: neuron tiểu não
 - Lớn nhất: noãn
- Hình dạng:
 - Tròn: tế bào máu
 - Trụ: tế bào b.mô tiêu hóa, hô hấp
 - Vuông: tế bào tuyến
 - Tháp, sao: tế bào thần kinh

CẤU TẠO TẾ BÀO

- Protein: tạo cấu trúc cơ bản
- Lipid:
 - Cấu tạo màng tế bào, nhân
 - Nguồn dự trữ năng lượng
- Glucid:
 - Nguồn năng lượng
 - Cấu tạo các men
- Muối khoáng: duy trì P thẩm thấu
- Nước: tạo môi trường, áp suất keo



CẤU TẠO TẾ BÀO



BÀO TƯƠNG

- Lưới nội sinh: h.thống ống, túi → Chuyển hóa
- Ribosom: chứa ARN → Tổng hợp Protein
- Ty thể: men hô hấp → Tích trữ năng lượng
- Lưới Golgi: túi dẹt → Chế tiết các chất
- Không bào: Túi nhỏ → Chứa
- Lysozom: chứa men → Tiêu huỷ vật lạ
- Bào tâm: phân chia tế bào
- Sợi tơ cơ, hạt sắc tố chỉ có ở tế bào đặc biệt

PHÂN LOẠI MÔ

MÔ

BIỂU MÔ PHỦ

Lát đơn

Lát tầng

Vuông đơn

Vuông tầng

Trụ đơn

Trụ tầng

BIỂU MÔ TUYẾN

Nội tiết

Ngoại tiết

MÔ LIÊN KẾT

Mô cơ

Mô xương

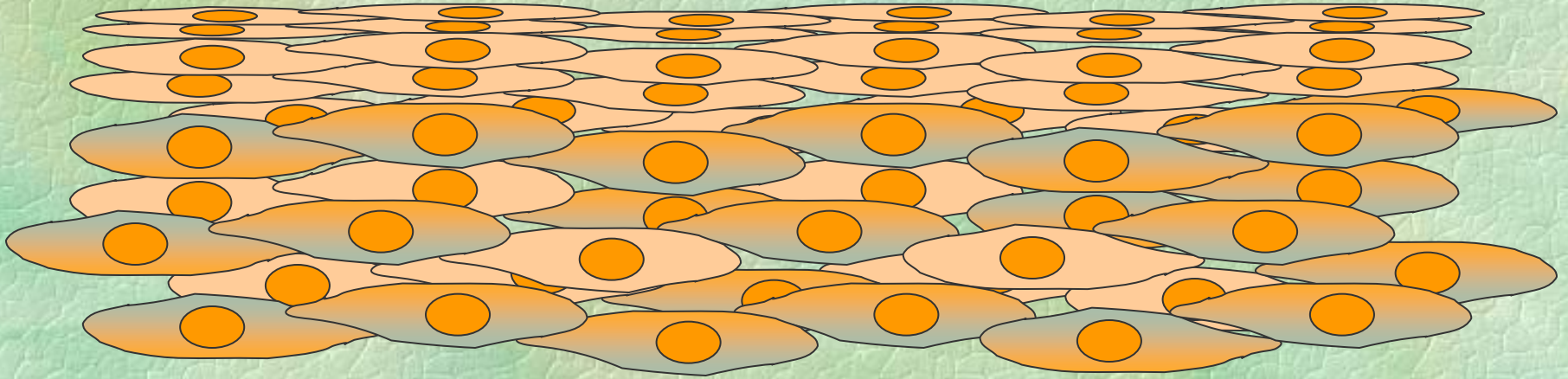
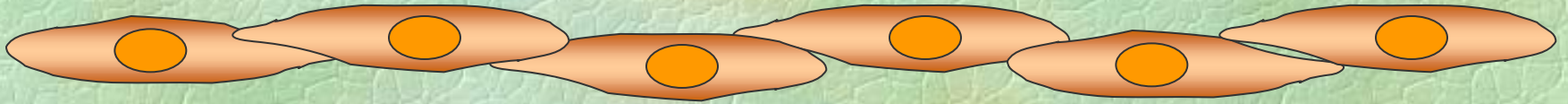
Mô sụn

Mô mỡ

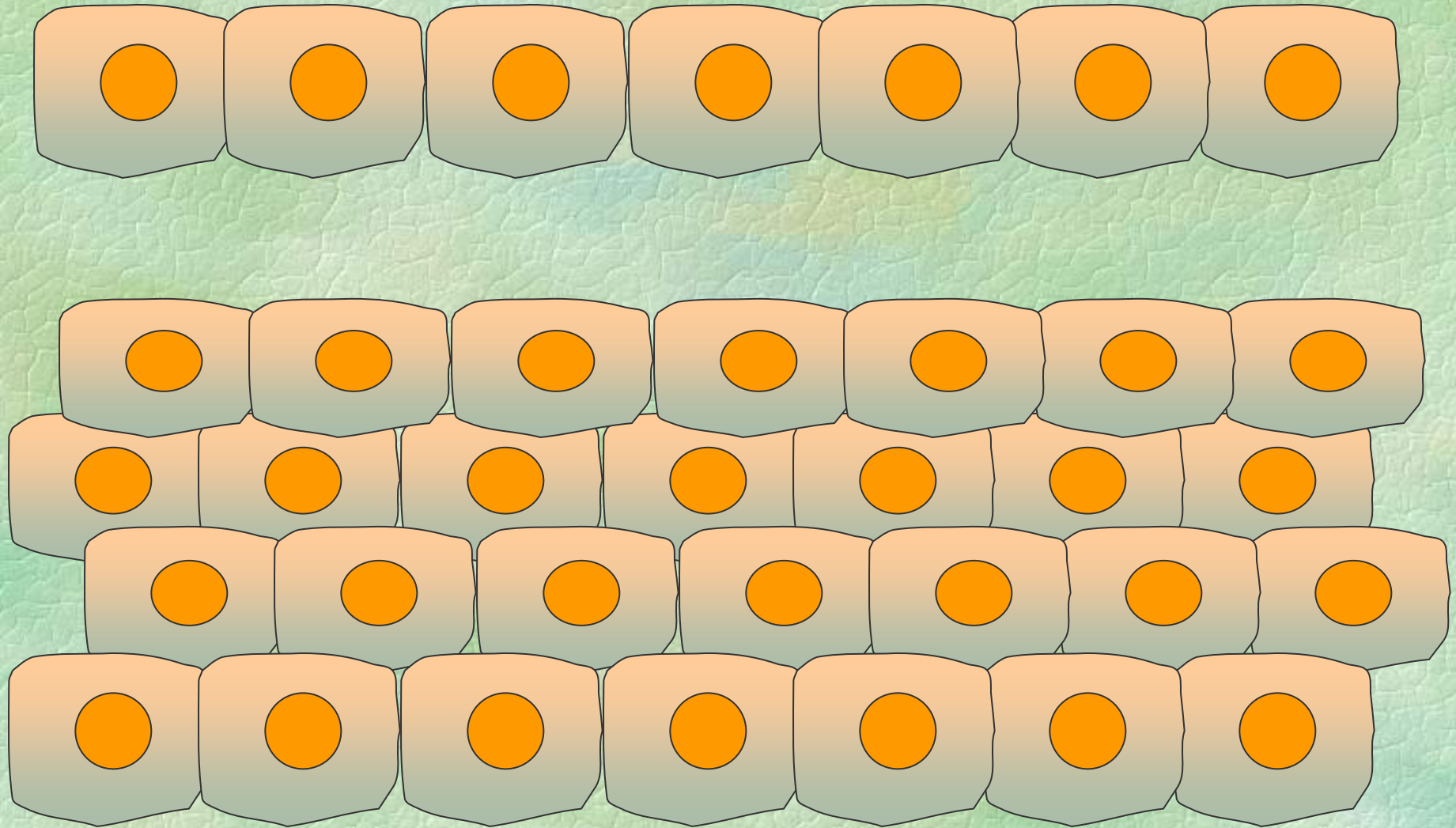
Mô Th.kinh

Mô máu

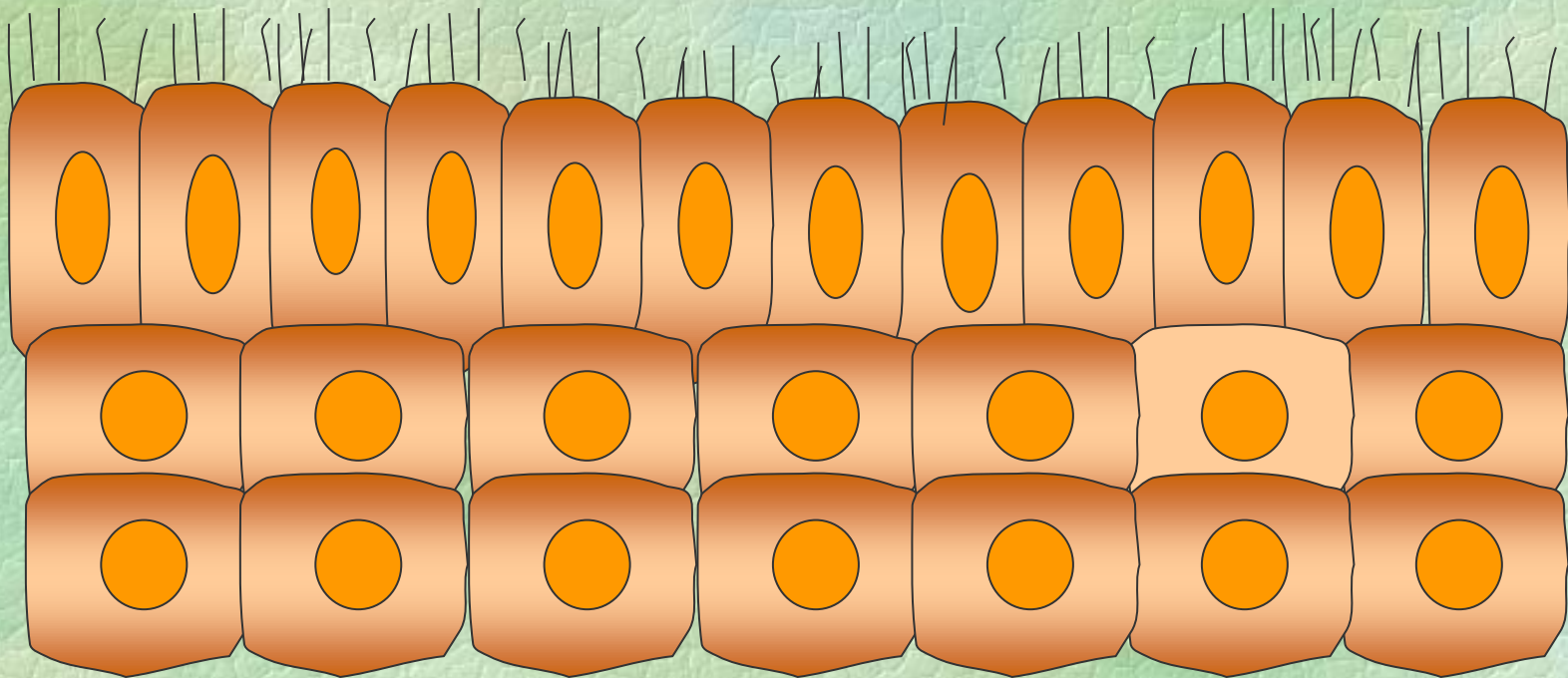
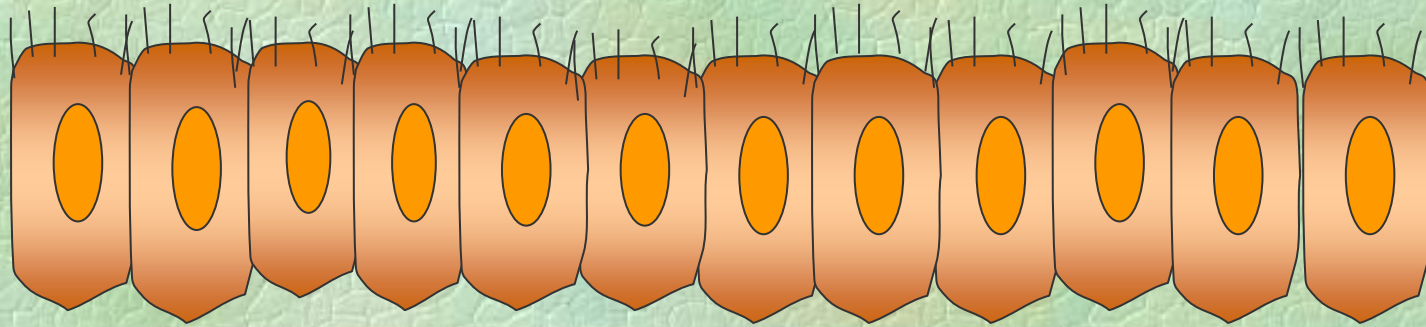
BIỂU MÔ LÁT



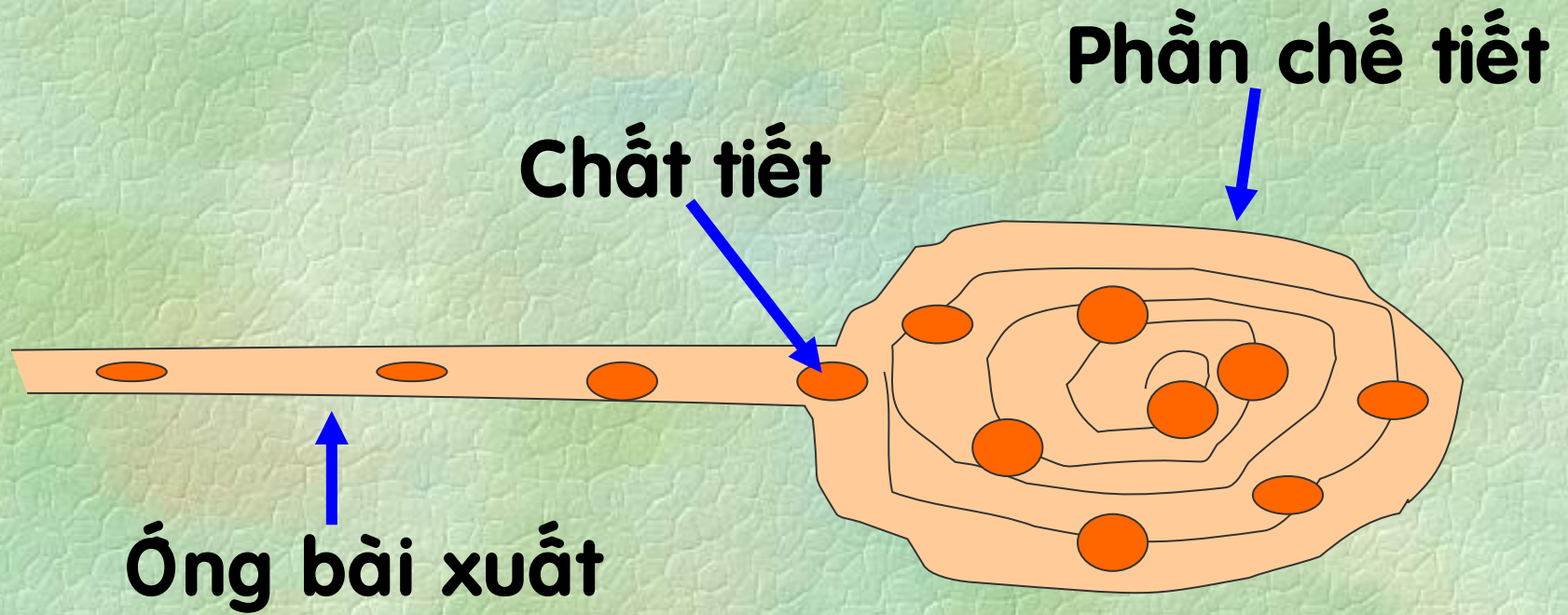
BIỂU MÔ YUÔNG



BIỂU MÔ TRỤ

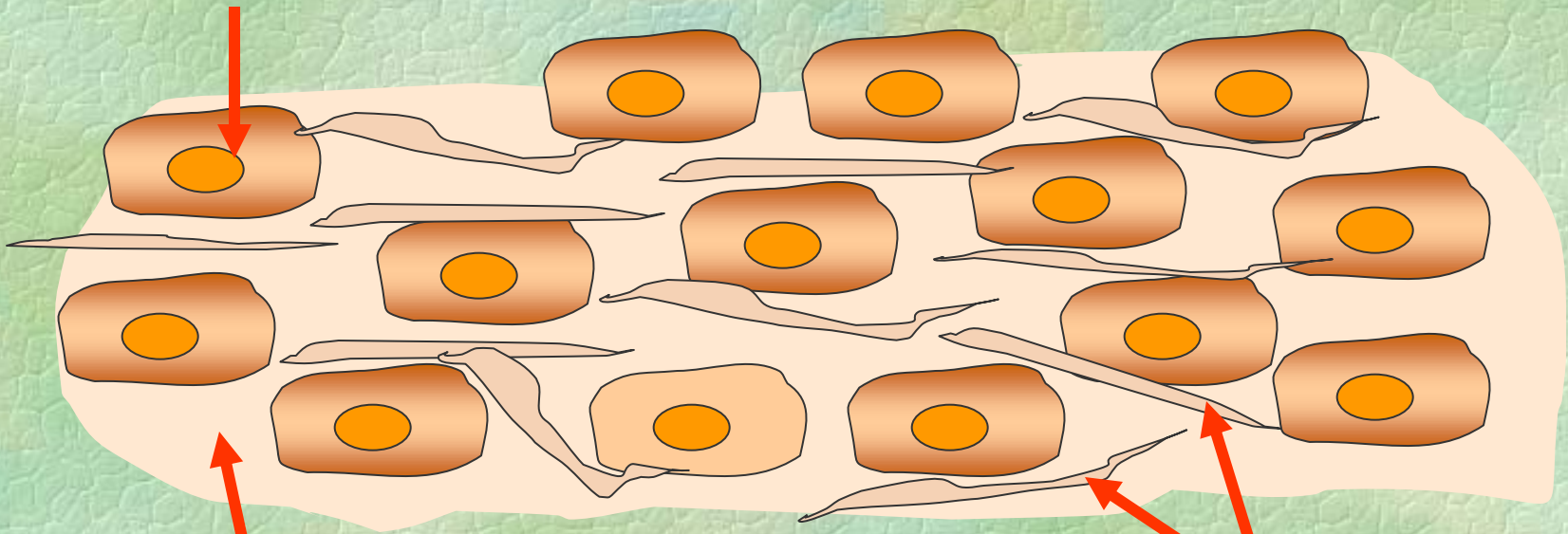


BIỂU MÔ TUYẾN



MÔ LIÊN KẾT

Tế bào liên kết



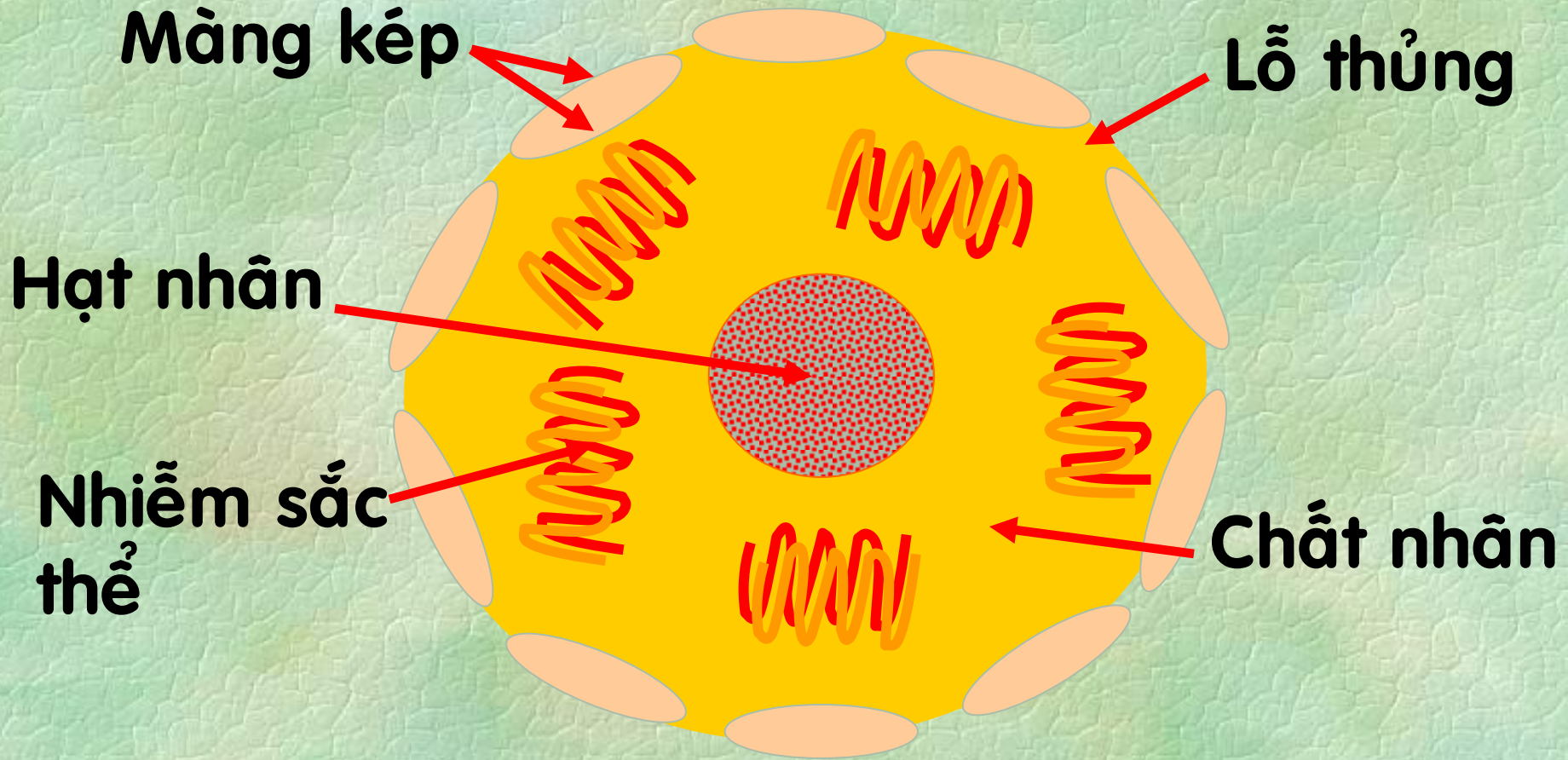
Chất căn bản

Các loại sợi

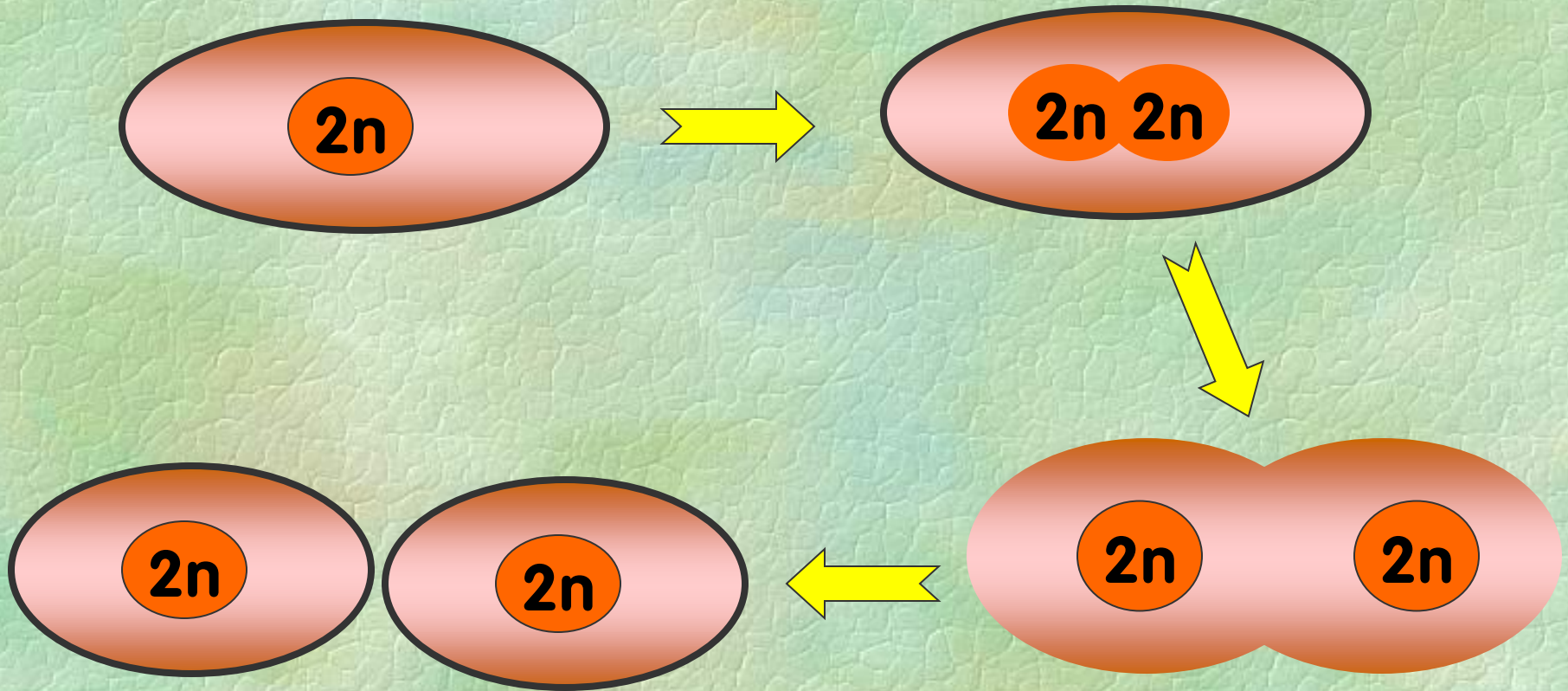
PHÂN LOẠI MÔ LIÊN KẾT

- Mô liên kết thưa:
 - Đệm, dinh dưỡng, hàn gắn vết thương
 - Mô mỡ, mô máu ...
- Mô liên kết màng:
 - Bao bọc các cơ quanh màng bụng, tim ...
 - Gồm 2 lá, giữa là lớp dịch
- Mô liên kết có hướng:
 - TB liên kết và sợi xếp theo hướng nhất định
 - Gân cơ, dây chằng ...

NHÂN

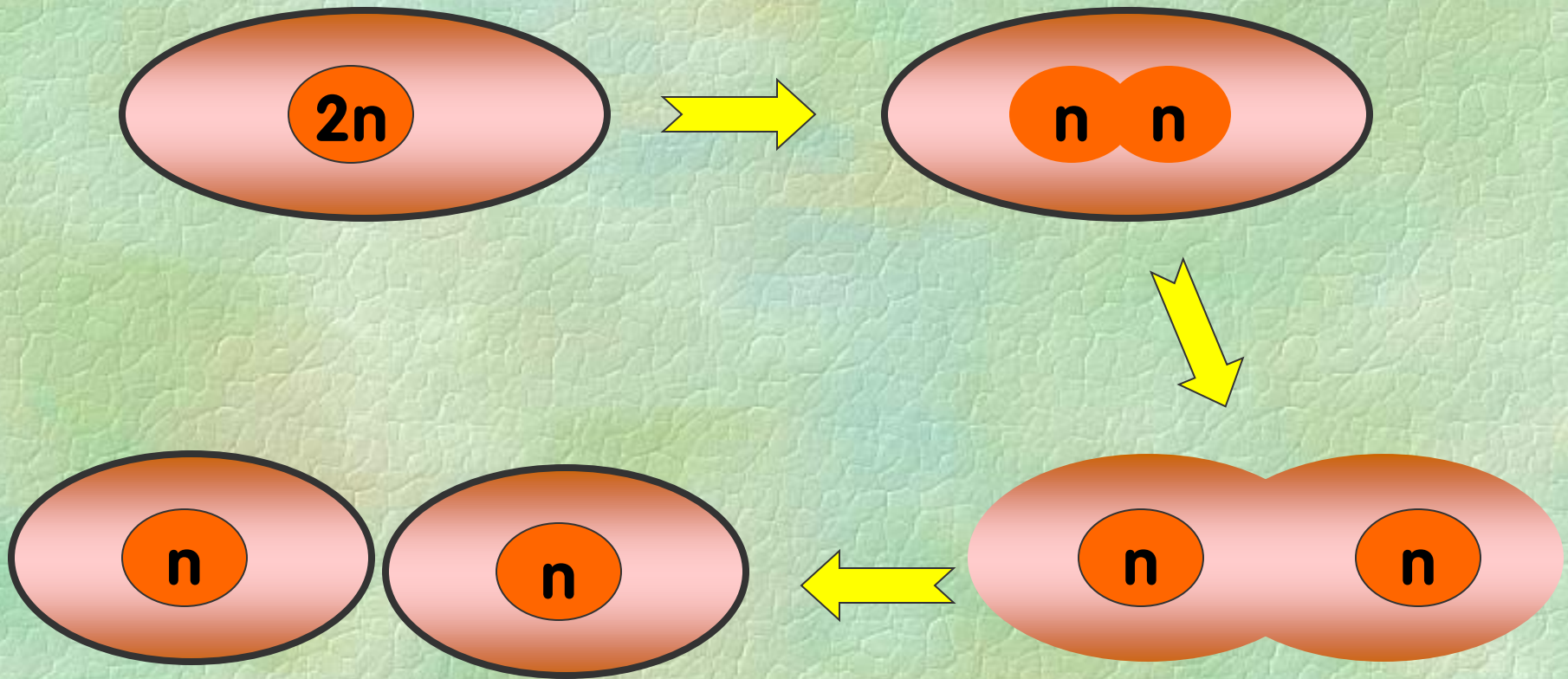


PHÂN CHIA NGUYÊN NHIỆM



Tế bào con có $2n$ nhiễm sắc thể

PHÂN CHIA GIẢM NHIỄM



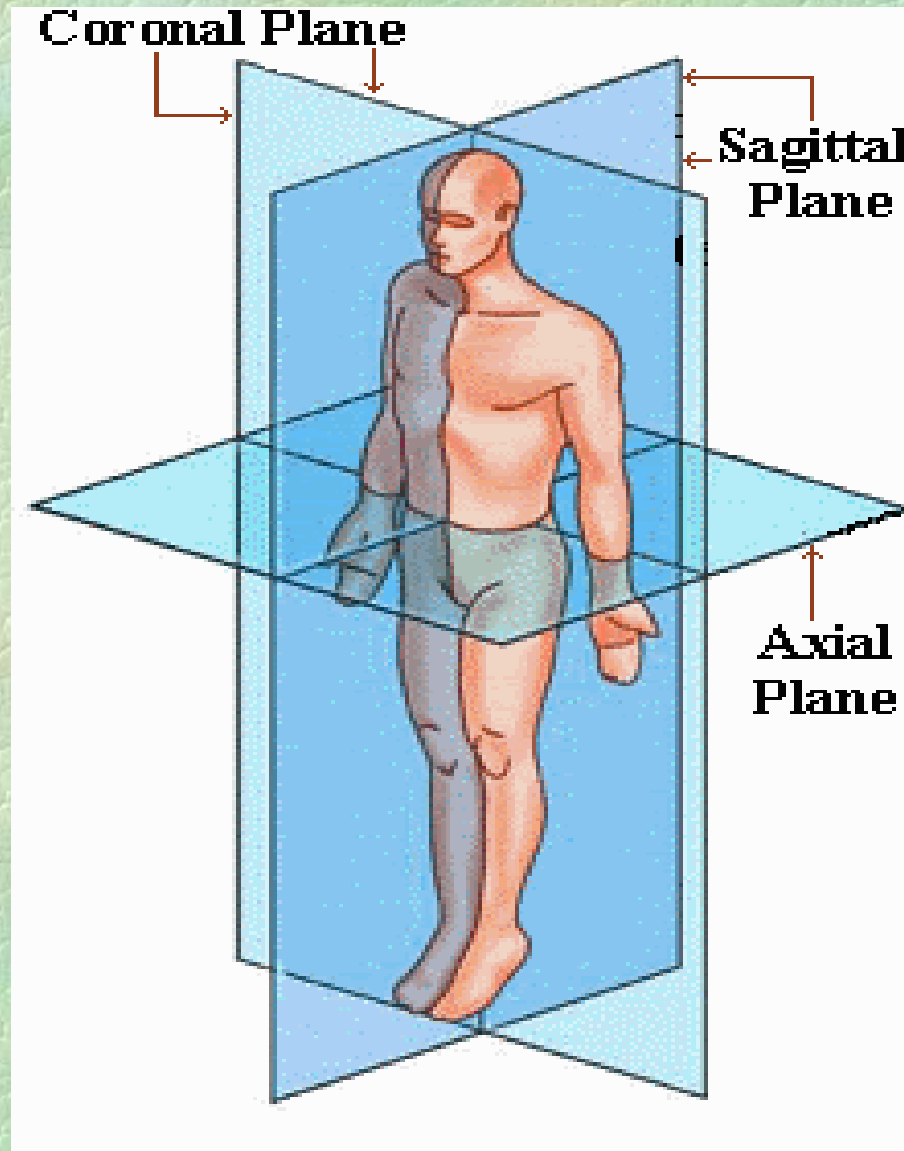
Tế bào con chỉ có n nhiễm sắc thể



TƯ THẾ GIẢI PHẪU



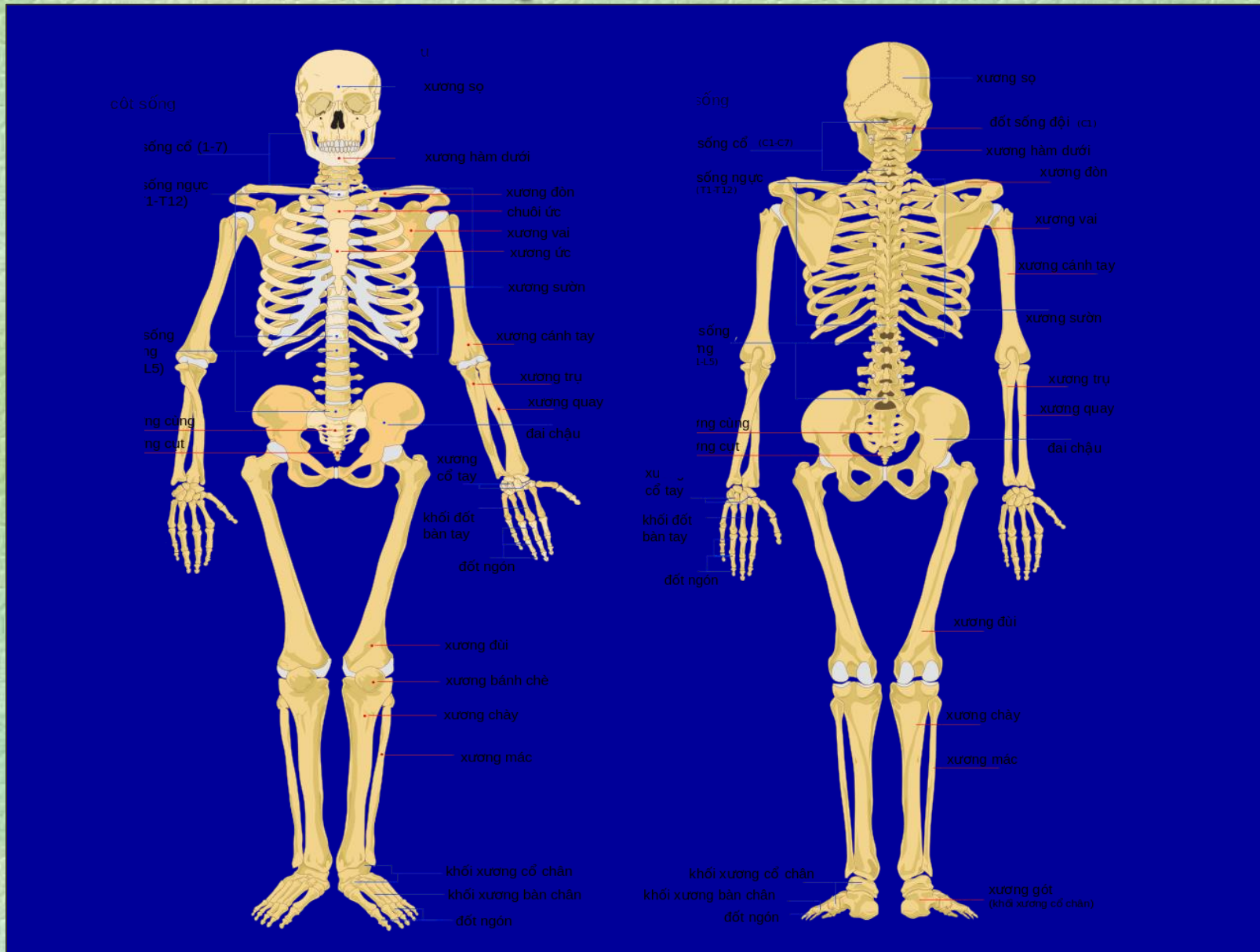
CÁC MẶT PHẪNG GIẢI PHẪU



QUY ƯỚC MÔ TẢ GIẢI PHẪU

- Trong - Ngoài: mặt phẳng dọc giữa
- Trên - Dưới: mặt phẳng ngang
- Trước - Sau: mặt phẳng đứng ngang
- Phải - Trái: mặt phẳng đứng dọc
- Xa – Gần; Giữa – Bên; Nguyên uỷ – Bám tận; Trụ - Quay: so sánh mặt phẳng dọc giữa
- Nông – Sâu: gần bề mặt hay xa hơn

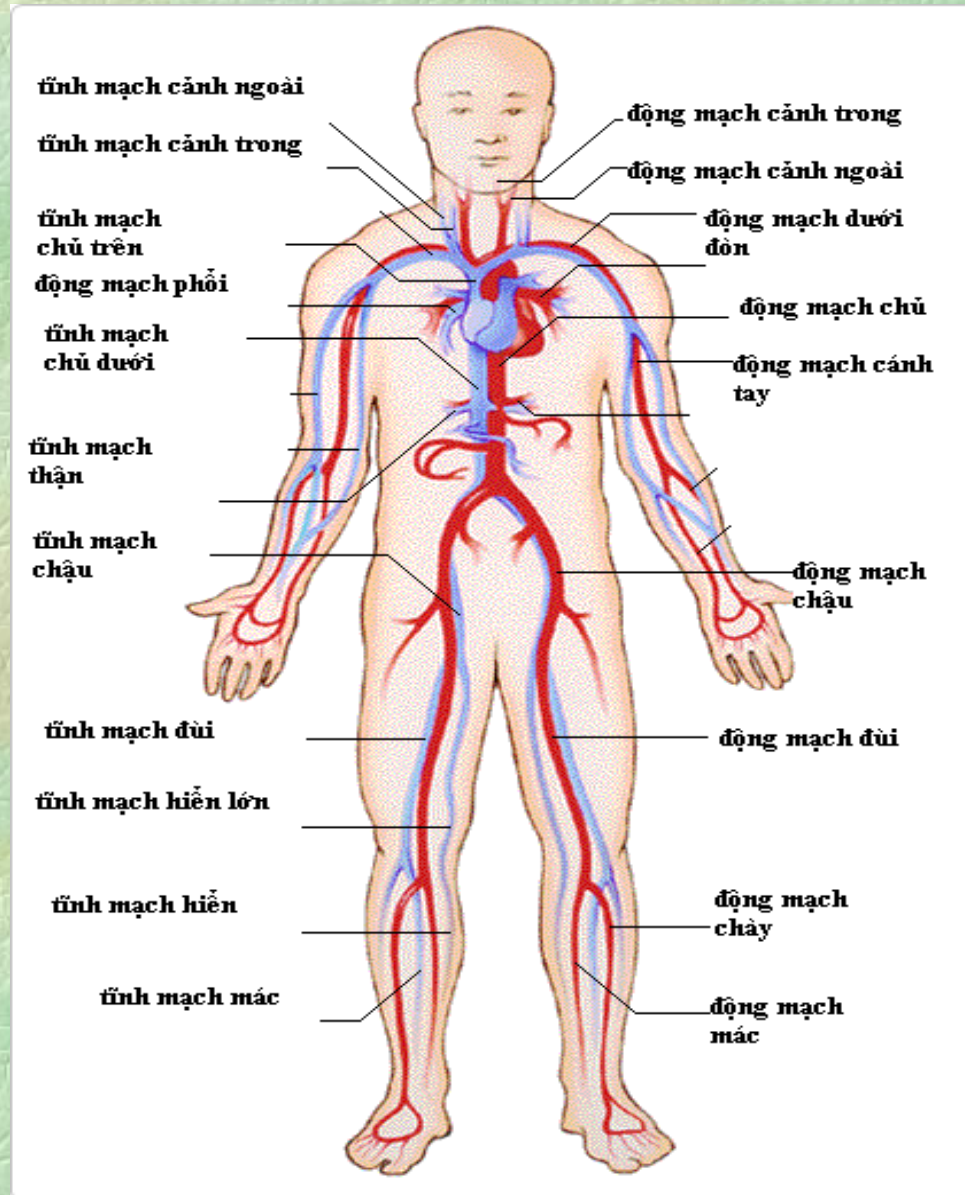
HỆ XƯƠNG



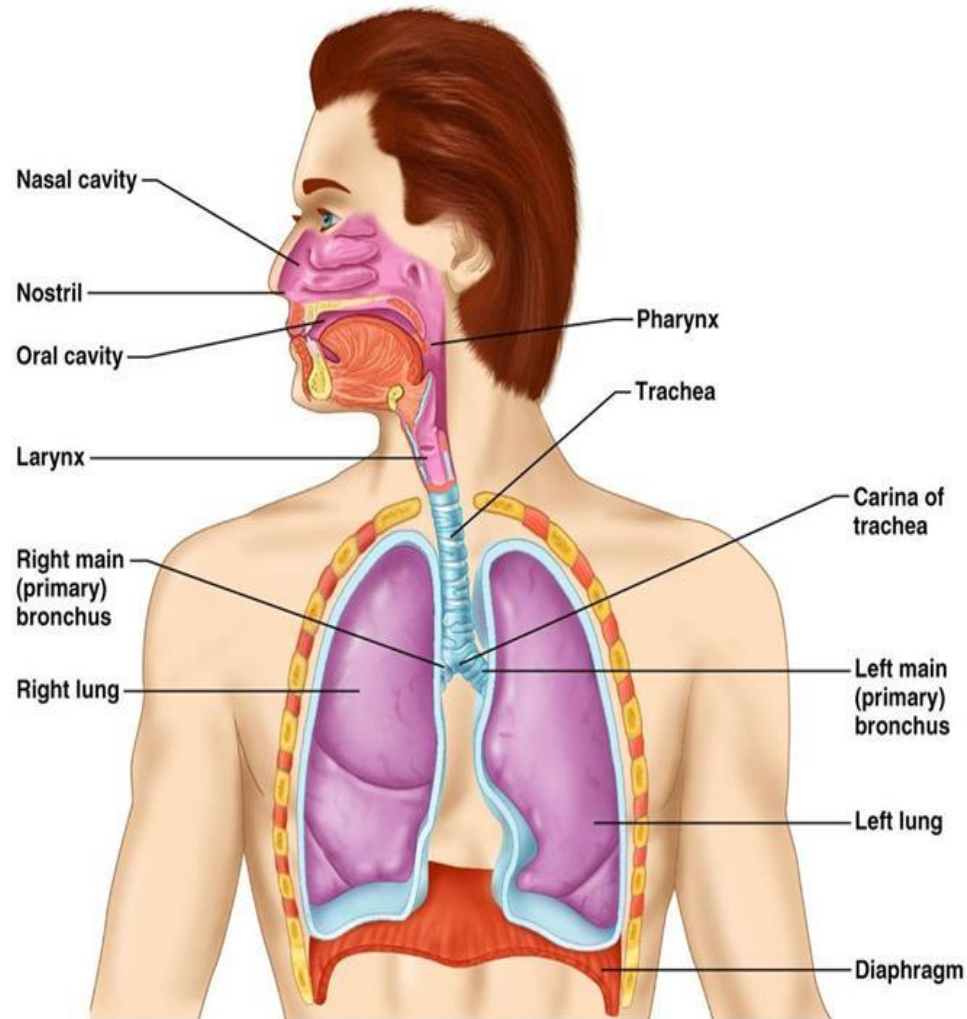
HỆ CƠ



HỆ TUẦN HOÀN



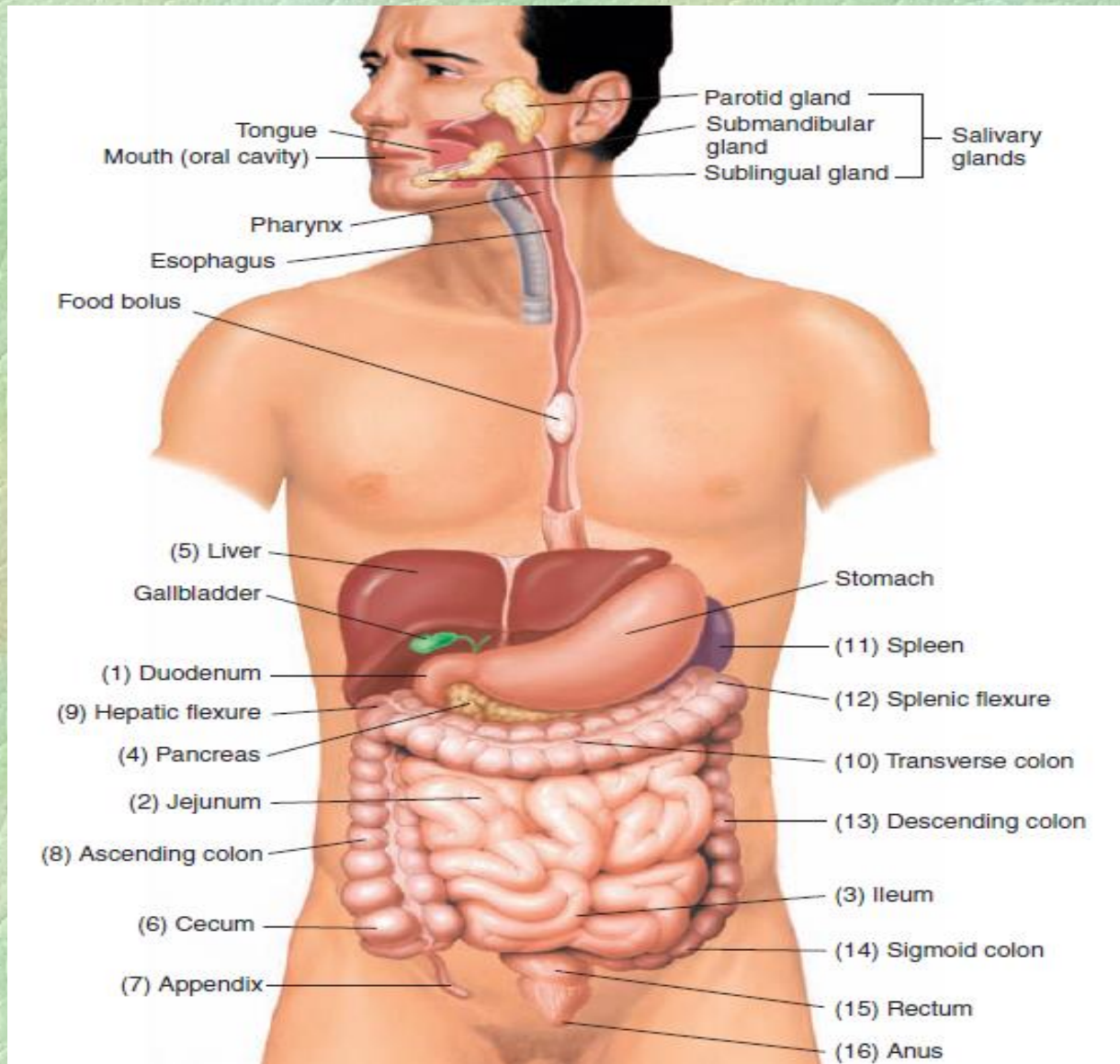
HỆ HÔ HẤP



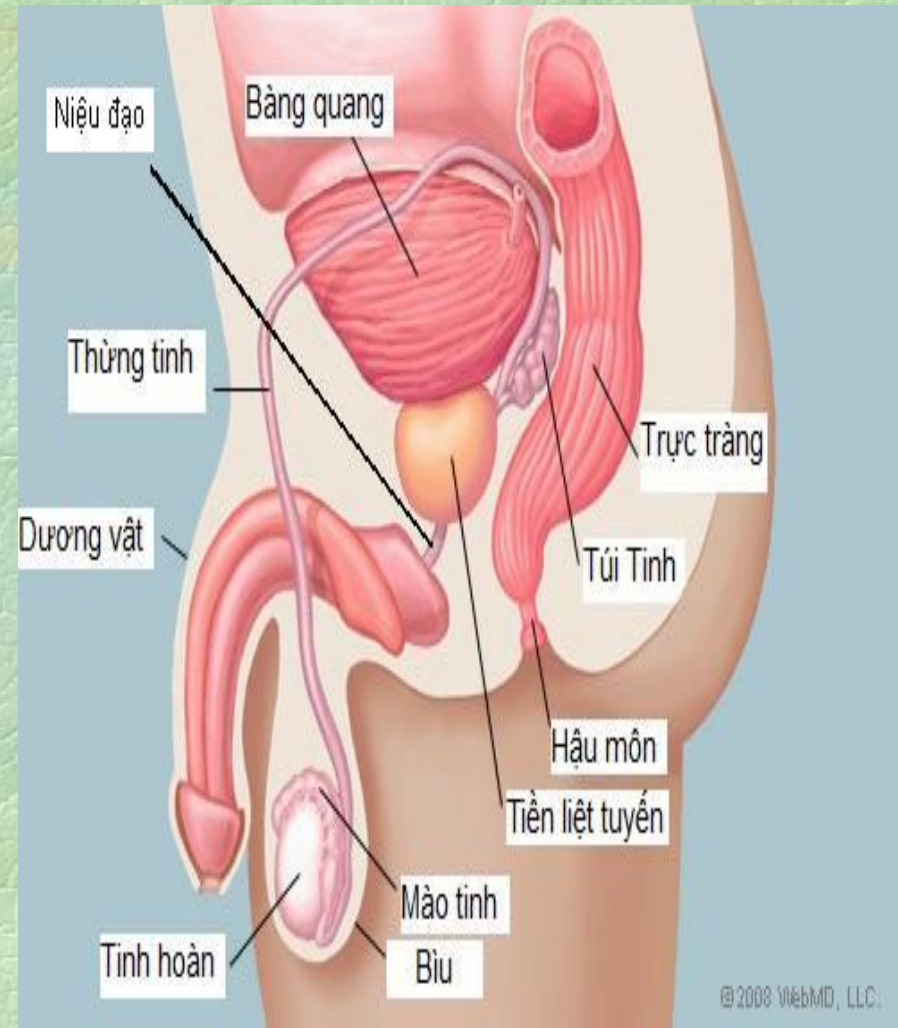
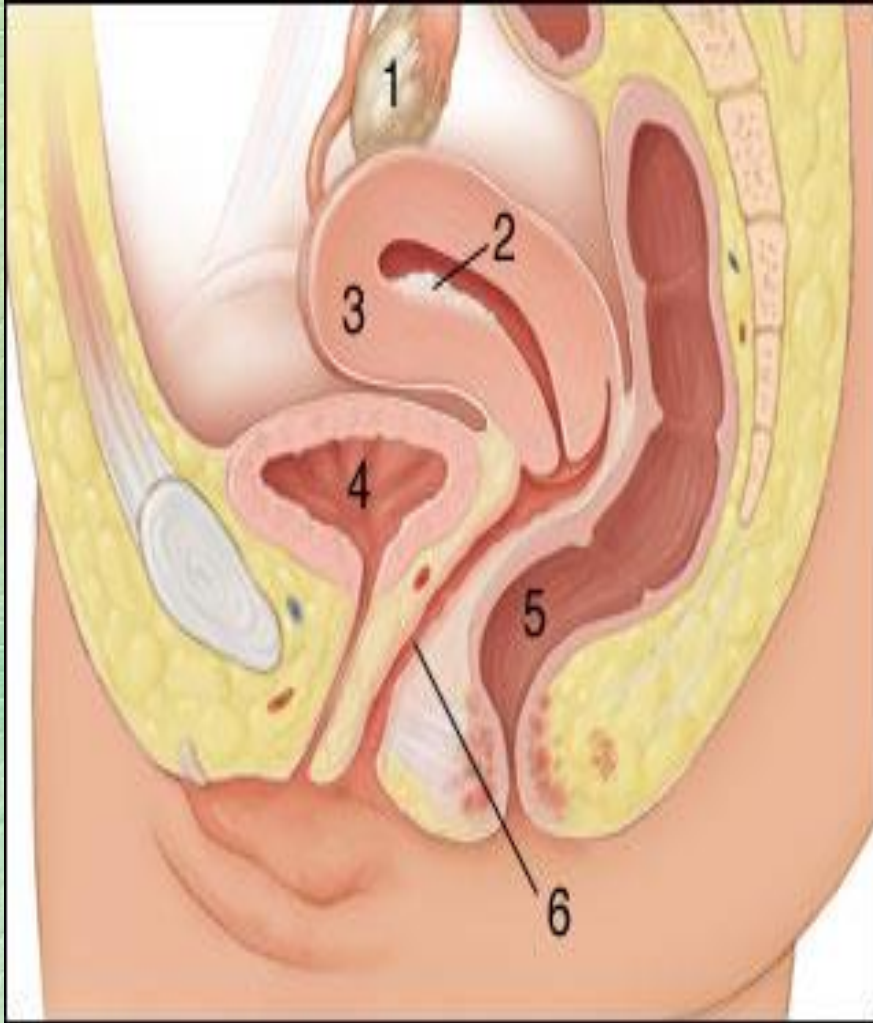
vovantoan@qnu.edu.vn

4

HỆ TIÊU HÓA

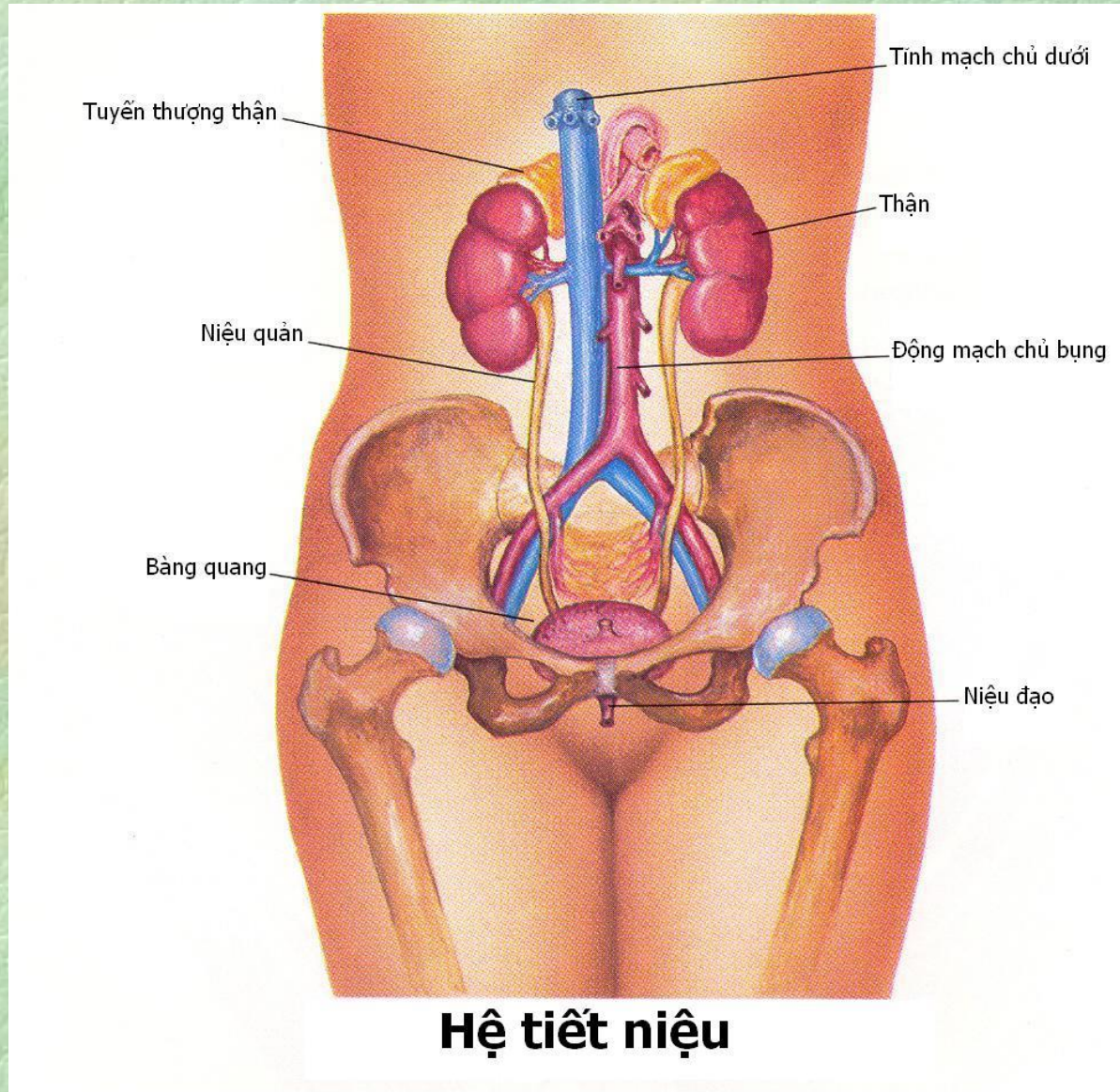


HỆ SINH DỤC

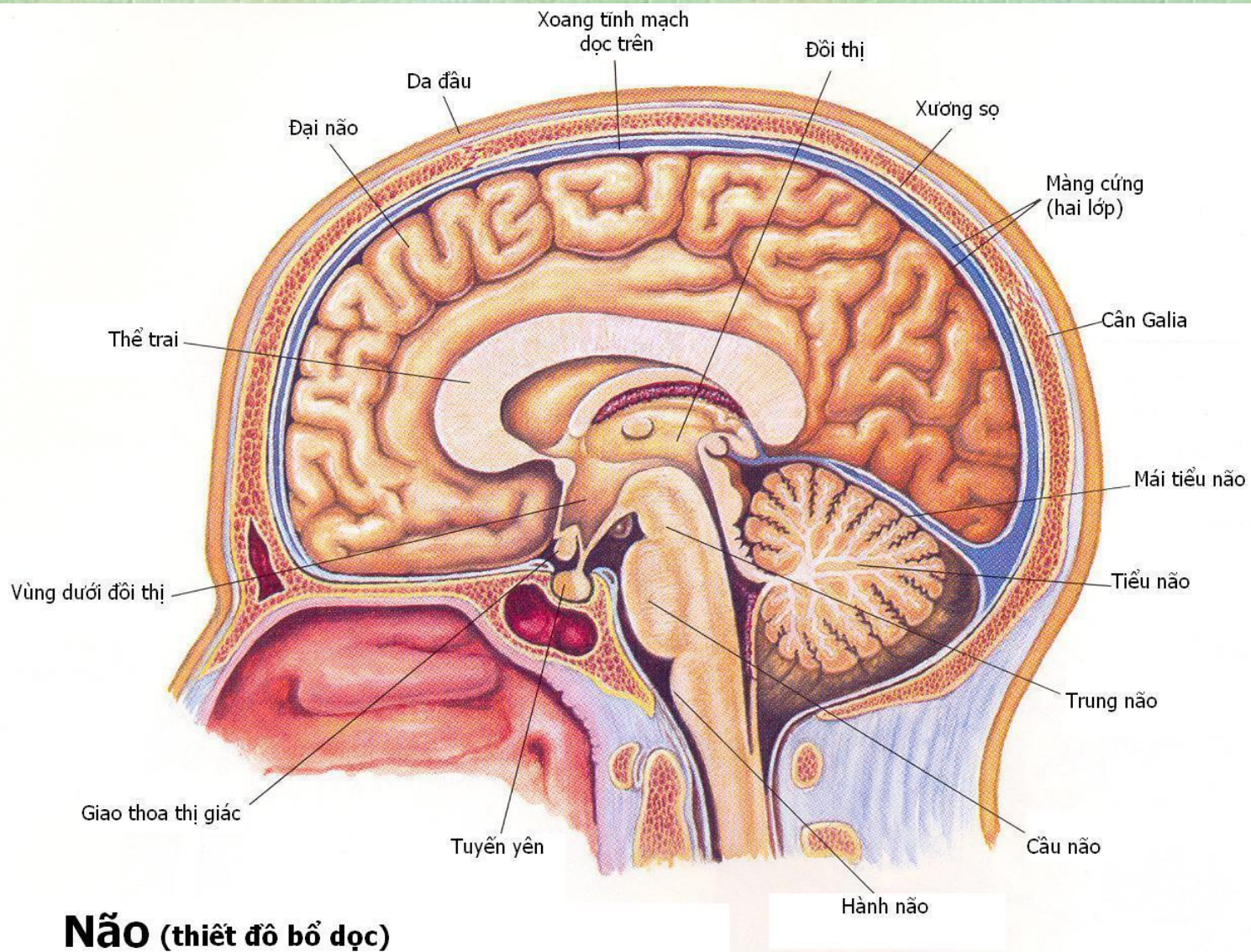


@2008 WebMD, LLC.

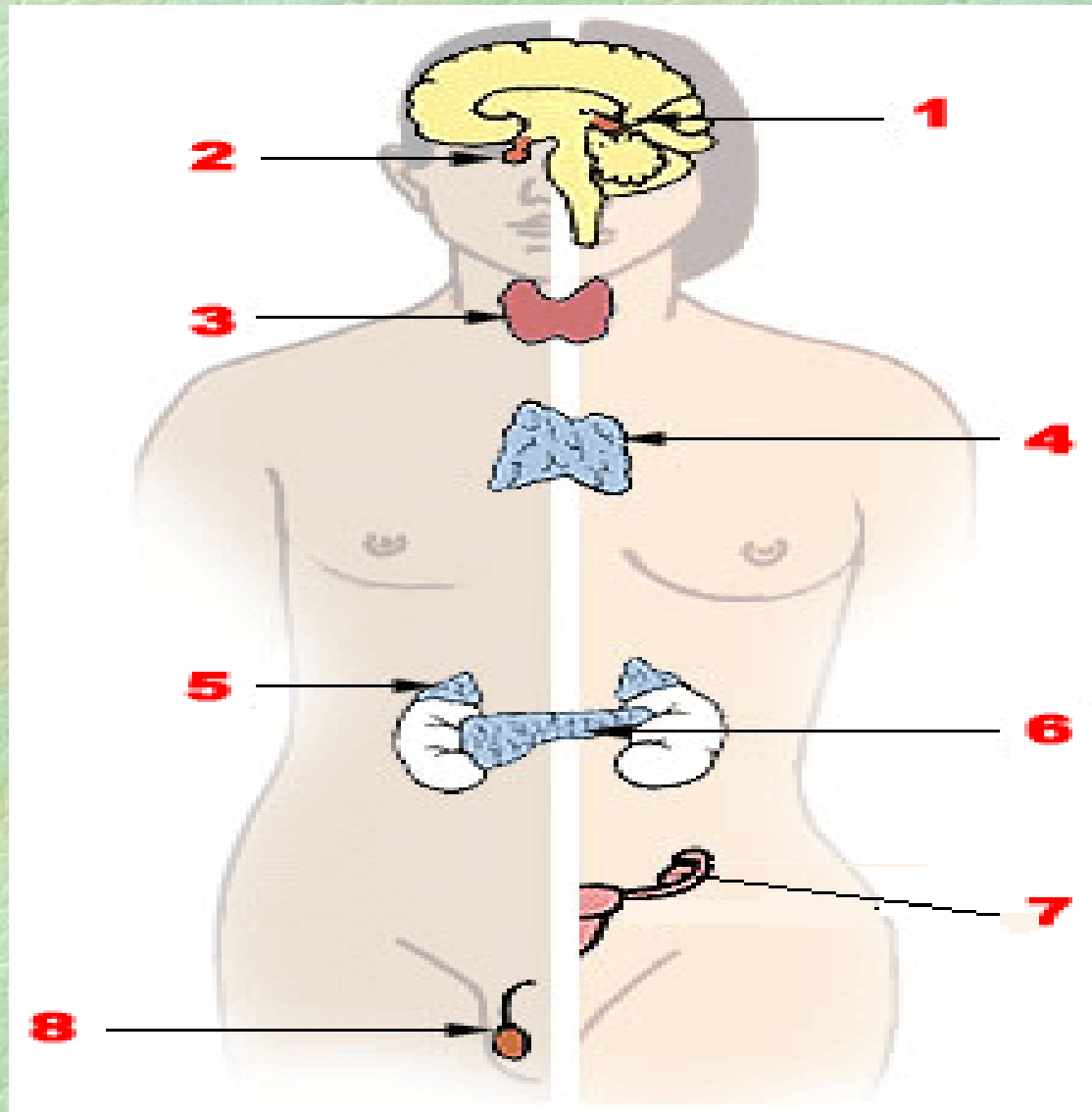
HỆ TIẾT NIỆU



HỆ THẦN KINH



HỆ NỘI TIẾT



Cảm ơn các bạn đã chú ý lắng nghe!